

Bản án số: **105/2024/DS-PT**
Ngày: 27-8-2024
V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất, yêu cầu tháo dỡ
tài sản trên đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trường Du
Ông Vũ Đại Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2024/QĐ-PT ngày 05/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1954; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

1.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

1.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn K, xã N, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

1.4. Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1970; địa chỉ: Số nhà xx, đường N, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

1.5. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1946; địa chỉ: Số nhà 04/xx đường Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S1: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số nhà 4xx, đường B, phường Đ1, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (theo giấy ủy quyền ngày 07/8/2024); có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị C, sinh năm 1939; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của của bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1965;

+ Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1963;

+ Bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa (theo giấy ủy quyền ngày 13/01/2024); đều có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trịnh Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2023, bản tự khai ngày 08/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 689, tờ bản đồ số 15, diện tích 111,8m² tại thôn T, xã T, huyện Y được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số DA 152023 cấp ngày 16/6/2021 mang tên bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N là di sản thừa kế của bố mẹ các bà (cụ Nguyễn Văn L và cụ Lê Thị C1) được chia theo bản án phúc thẩm số 68/2006/DS-PT ngày 17/10/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Từ khi được chia di sản thừa kế đất các bà chưa xây dựng gì. Tuy nhiên, gia đình bà Trịnh Thị C tự ý xây dựng 01 nhà cấp 4 ba gian, 01 nhà xe để ô tô, làm hơn 100m² sân bê tông lên phần đất của các bà. Việc bà C tự ý xây dựng công trình lên phần đất của các bà, các bà biết và yêu cầu bà C tự tháo dỡ trả lại đất cho các bà nhưng bà C không thực hiện. Vì vậy, các bà làm đơn yêu cầu Tòa án buộc bà C phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên phần đất của các bà, trả lại mặt bằng nguyên trạng 111,8m² cho các bà và bà C phải chịu toàn bộ chi phí tháo dỡ và các chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

2. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2023, bản tự khai ngày 08/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S1 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 687, tờ bản đồ số 15, diện tích 112,3m² tại thôn T, xã T, huyện Y được UBND huyện Y cấp ngày 17/5/2016 mang tên ông Nguyễn Văn C2 (chồng bà đã chết) là di sản thừa kế của bố mẹ chồng bà (cụ Nguyễn Văn L và cụ Lê Thị C1) được chia theo bản án phúc thẩm số 68/2006/DS-PT ngày 17/10/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi được chia thừa kế gia đình bà sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với ai. Tuy nhiên, bà chưa xây dựng gì đang để đất trống thì gia đình bà Trịnh Thị C tự ý xây dựng 01 nhà cấp 4 ba gian, 01 nhà xe để ô tô, làm hơn

100m² sân bê tông lên phần đất của gia đình bà. Việc bà C tự ý xây dựng công trình lên phần đất của gia đình bà, bà biết và yêu cầu bà C tự tháo dỡ trả lại đất nhưng bà C không thực hiện.

Nay bà làm đơn yêu cầu Toà án buộc bà C phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên phần đất của gia đình bà, trả lại mặt bằng nguyên trạng 112,3m² và bà C phải chịu toàn bộ chi phí tháo dỡ và các chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

3. Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2023, bản tự khai ngày 08/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tiến D trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 688, tờ bản đồ số 15, diện tích 112,1m² tại thôn T, xã T, huyện Y mang tên Nguyễn Tiến D theo GCNQSDĐ số CD 103313, UBND huyện Y cấp ngày 17/5/2016 là di sản thừa kế của ông bà nội anh (cụ Nguyễn Văn L và cụ Lê Thị C1) được chia theo bản án phúc thẩm số 68/2006/DS-PT ngày 17/10/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi được chia thừa kế anh sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với ai. Tuy nhiên, anh chưa xây dựng gì đang để đất trống thì gia đình bà Trịnh Thị C tự ý xây dựng 01 nhà cấp 4 ba gian, 01 nhà xe để ô tô, làm hơn 100 m² sân bê tông lên phần đất của gia đình anh. Anh yêu cầu bà C tự tháo dỡ trả lại đất cho anh nhưng bà C không thực hiện. Nay anh làm đơn yêu cầu Toà án buộc bà C phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên phần đất của anh, trả lại mặt bằng nguyên trạng 112,1m² đất cho anh và bà C phải chịu toàn bộ chi phí tháo dỡ và các chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án gửi thông báo thụ lý cho bà Trịnh Thị C. Bà C đã nhận được thông báo thụ lý vụ án. Sau đó bà C có gửi đơn khiếu nại về 02 bản án của hai cấp là bản án số 07/2006/DS-ST ngày 29/6/2006 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa và bản án số 68/2006/DS-PT ngày 17/10/2006 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, thời hiệu khiếu nại đã hết.

4. Đối với bị đơn bà Trịnh Thị C: Toà án đã nhiều lần triệu tập họp lệ bị đơn bà Trịnh Thị C và người đại diện theo ủy quyền của bà C là bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị S2 đến Tòa án để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà C và người đại diện theo ủy quyền cố tình không đến. Vì vậy không có lời khai của bà C và những người đại diện theo ủy quyền trong hồ sơ vụ án.

5. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thể hiện như sau:

* Thửa đất số 689, tờ bản đồ số 15, diện tích 111,8m² mang tên bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N có các cạnh như sau: Cạnh phía Đông giáp nhà ông B có chiều dài 02 đoạn (16,5m + 7,3m); cạnh phía Tây giáp đất nhà anh D dài 33,96m; cạnh phía Bắc giáp đường thôn rộng 3,6m; cạnh phía Nam giáp đường thôn rộng 3,0m.

Trên đất ở phía Nam có 01 gian nhà xây cấp IV lợp tôn. Phía Bắc có cổng sắt (cổng sắt bà C làm). Trên đất có 01 cây bông bông và 01 cây cau, còn lại là đất trống.

* Thửa đất số 688, tờ bản đồ số 15, diện tích 112,1m² mang tên anh Nguyễn Tiến D có các cạnh như sau: Cạnh phía Bắc giáp đường thôn rộng 3,6m; cạnh phía Nam giáp đường thôn rộng 3m; cạnh phía Đông giáp đất bà N dài 33,96m; cạnh phía Tây giáp đất ông C2 dài 34,08m.

Trên đất phía Bắc có gian nhà ngói đã cũ (di sản thừa kế). Phía Nam giáp mặt đường có gian nhà cấp IV lợp tôn và 01 cây dừa; ở giữa là đất trống.

* Thửa đất số 687, tờ bản đồ số 15, diện tích 112,3m² mang tên ông Nguyễn Văn C2 có các cạnh như sau: Cạnh phía Bắc rộng 3,59m và cạnh phía Nam rộng 3m giáp đường thôn; cạnh phía Tây dài 34,2m giáp đất bà C; cạnh phía Đông giáp đất anh D dài 34,08m.

Trên phần đất phía Nam có gian nhà cấp IV lợp tôn và bán bình. Cạnh phần đất phía Bắc có gian nhà ngói đã cũ (di sản thừa kế); ở giữa là đất trống.

* Thửa đất nhà bà C có các cạnh như sau: Cạnh phía Bắc là 8,33m; cạnh phía Nam là 6,66m; cạnh phía Đông là 34,22m; cạnh phía Tây là 33,81m.

Trên đất có xây nhà 02 tầng rộng 5m, xây hết đất chiều dài, phần đất còn lại để trống, phía trước lợp bán bình.

Phía Nam 03 thửa đất xây tường rào, cổng vào, trước nhà lợp bán bình, sân bê tông. Một số cây lưu niên là cau, dừa và bông bông đã có từ khi chia thừa kế.

- Ý kiến gia đình bà C tại buổi thẩm định: gian nhà cấp 4 là gian nhà thờ họ xây năm 2003.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa quyết định:

1. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và danh mục mức án phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

- Xác nhận thửa đất số 689, tờ bản đồ số 15, diện tích 111,8m² tại thôn T, xã T, huyện Y được cấp GCNQSDĐ số DA 152023 cấp ngày 16/6/2021 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N.

- Xác nhận thửa đất số 688, tờ bản đồ số 15, diện tích 112,1m² tại thôn T, xã T, huyện Y được cấp GCNQSDĐ số CD 103313, UBND huyện Y cấp ngày 17/5/2016 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Tiến D.

- Xác nhận thửa đất số 687, tờ bản đồ số 15, diện tích 112,3m² tại thôn T, xã T, huyện Y được UBND huyện Y cấp ngày 17/5/2016 mang tên ông Nguyễn Văn C2 (chồng bà S1 đã chết) là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị S1.

- Buộc bà Trịnh Thị C phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép là ngôi nhà cấp IV, bán bình tường rào và cổng ngõ, khôi phục lại nguyên trạng ban đầu như khi đất mới chia thừa kế của bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Tiến D và ông Nguyễn Văn C2 (chồng bà S1 đã chết).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nghĩa vụ nộp tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2024 và ngày 19/6/2024, bị đơn là bà Trịnh Thị C làm đơn kháng cáo (đơn kháng cáo được sửa đổi, bổ sung ngày 01/7/2024) kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, với lý do: bản án đã tuyên buộc gia đình bà tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép là ngôi nhà cấp IV, bán bình, tường rào, cổng ngõ, nhưng trên đất không có ngôi nhà cấp IV mà chỉ là một nhà thờ và bà không xây dựng trái phép nên không chấp nhận tháo dỡ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị đơn có đơn thay đổi nội dung kháng cáo là đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy bản án sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, đồng thời có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa tạm dừng phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án, với lý do: bị đơn đang có đơn đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với Bản án số 07/2006/DS-ST ngày 29/6/2006 của Tòa án nhân dân huyện Y và Bản án số 68/2006/DS-PT ngày 17/10/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa vì cả hai bản án này trong quá trình xét xử đã bỏ sót một tình tiết rất quan trọng cho nên mặc dù án đã có hiệu lực pháp luật nhưng đã gần 18 năm nay vẫn chưa thể thi hành án được, mà bản chất của vụ án sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Y là hậu quả của hai bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và các bên đương sự đã tuân thủ, thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) tại cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Trịnh Thị C có đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của BLTTDS, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị C:

[2.1] Về nguồn gốc đất và hiện trạng sử dụng đất:

Thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Thửa đất số 687, tờ bản đồ số 15, diện tích 112,3m² tại thôn T, xã T, huyện Y được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ số CD 103312 ngày 17/5/2016 mang tên ông Nguyễn Văn C2 (chồng bà S1 đã chết) là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị S1.

Thửa đất số 688, tờ bản đồ số 15, diện tích 112,1m² tại thôn T, xã T, huyện Y được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ số CD 103313 ngày 17/5/2016 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Tiến D (con ông Nguyễn Văn D2 - đã chết).

Thửa đất số 689, tờ bản đồ số 15, diện tích 111,8m² tại thôn T, xã T, huyện Y được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ số DA 152023 ngày 16/6/2021 là tài sản hợp pháp của các bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N.

Nguồn gốc các thửa đất nêu trên là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn L và cụ Lê Thị C1, các bà và anh D được chia thừa kế theo bản án dân sự phúc thẩm số 68/2006/DS-PT ngày 17/10/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ theo bản án đã có hiệu lực pháp luật, các bà và anh D đã được cấp GCNQSDĐ, nên các bà và anh D được sử dụng các thửa đất nêu trên là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu về việc không đồng ý tháo dỡ các tài sản trên đất:

Như phân tích ở phần [2.1] thì có căn cứ xác định các phần đất đã được chia, được cấp GCNQSDĐ cho các bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N; ông Nguyễn Văn C2 (chồng bà Nguyễn Thị S1) và anh Nguyễn Tiến D là tài sản hợp pháp của các bà và anh D, nên việc bà C xây dựng nhà, bán bình, tường rào, cổng ngõ trên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của người khác là trái pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc bà Trịnh Thị C phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép là ngôi nhà cấp IV, bán bình, tường rào và cổng ngõ, khôi phục lại nguyên trạng ban đầu như khi đất mới chia thừa kế của bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn C2 (chồng bà S1 đã chết) và anh Nguyễn Tiến D là có căn cứ.

[2.3] Xét đề nghị Tòa án tạm dừng phiên tòa xét xử vụ án (tạm đình chỉ giải quyết vụ án):

Ngày 29/6/2006, Tòa án nhân dân huyện Y ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2006/DS-ST và ngày 17/10/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

ban hành Bản án dân sự phúc thẩm số 68/2006/DS-PT. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành. Quá trình thi hành bản án, không có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, không có căn cứ về việc người có thẩm quyền kháng nghị bản án hoặc Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét giải quyết lại vụ án theo trình tự giám đốc thẩm. Bản án đã được thi hành, các đương sự đã được giao đất và cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

Bà C xuất trình cho Tòa án Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đề nghị tái thẩm số 1074/2024/TB-TA ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Nội dung thông báo là yêu cầu bà Trịnh Thị C bổ sung nội dung đơn đề nghị tái thẩm, không phải là Quyết định kháng nghị bản án theo thủ tục tái thẩm, nên Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa không có căn cứ tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án.

Như vậy, nội dung kháng cáo của bị đơn về đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ. HĐXX phúc thẩm chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bà Trịnh Thị C không được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng bà C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trịnh Thị C.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến